

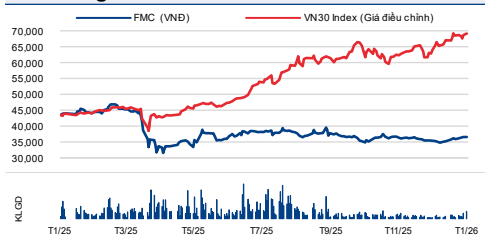
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ40,800
Tiềm năng tăng/giảm: 12.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/1/2026)	36,150
Mã Bloomberg	FMC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	31,548-46,849
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	36,450
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,364
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	90.0
Slg CP lưu hành (tr.đv)	65.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	32.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	12.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.9%
Tỷ lệ freefloat	25.0%
Cổ đông lớn	CT CP tập đoàn PAN (37.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	6,913	8,540	7,783
EBITDA đc (tỷ đồng)	546	366	401
LNTT (tỷ đồng)	422	345	357
LNT ĐC (tỷ đồng)	304	282	293
FCF (tỷ đồng)	487	(388)	264
EPS ĐC (đồng)	4,646	4,319	4,486
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	33,151	35,470	37,956
T.trưởng EBITDA (%)	22.1	(33.0)	9.47
T.trưởng EPS ĐC (%)	10.0	(7.03)	3.87
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	4.29	5.15
Tỷ suất LNTT (%)	6.10	4.04	4.58
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.39	3.31	3.77
Tỷ lệ LN trả CT (%)	43.0	46.3	44.6
Nợ thuần/VCSH (%)	(7.37)	18.4	7.83
ROAE (%)	14.5	12.6	12.2
ROACE (%)	15.4	9.33	9.44
EV/doanh thu (lần)	0.32	0.32	0.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.01	7.57	6.35
P/E ĐC (lần)	7.78	8.37	8.06
P/B (lần)	1.09	1.02	0.95
Lợi suất cổ tức (%)	5.53	5.53	5.53

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FMC là doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn thứ 3 Việt Nam, tập trung vào phân khúc hàng chất lượng cao và chế biến sâu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2025: KQKD vững chắc và vượt kỳ vọng

- Doanh thu thuần Q4/2025 của FMC đạt 1.556 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ trong khi lợi nhuận thuần đạt 158 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ và dễ dàng vượt kỳ vọng của HSC ở mức 75 tỷ đồng, nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn mong đợi.
- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của cả năm 2025 đạt lần lượt 8.406 tỷ đồng (tăng trưởng 22%) và 366 tỷ đồng (tăng trưởng 20%).
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 2%/3% trong 1 tháng/3 tháng qua, FMC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,1 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 8,9 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

KQKD Q4/2025 đã vượt xa mức kỳ vọng khá khiêm tốn của HSC. Trong quý, doanh thu thuần đạt 1.556 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 158 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 18,1%, cao hơn kỳ vọng của chúng tôi ở mức 12%.

Trong năm 2025, doanh thu thuần đạt 8.406 tỷ đồng, tăng trưởng 22% và lợi nhuận thuần đạt 366 tỷ đồng, tăng trưởng 20% và cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 282 tỷ đồng.

Doanh thu xuất khẩu tôm tăng 14,7% so với cùng kỳ

Trong Q4/2025, doanh thu xuất khẩu tôm tăng mạnh 14,7% so với cùng kỳ, đạt 1.530 tỷ đồng, chủ yếu nhờ giá xuất khẩu bình quân tăng 12,9% so với cùng kỳ, trong khi sản lượng tiêu thụ đạt 4.969 tấn (chỉ tăng nhẹ 1,6% so với cùng kỳ).

Trong năm 2025, tổng doanh thu xuất khẩu tôm đạt 8.064 tỷ đồng, tăng 19,1% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng tiêu thụ tăng 10,7% so với cùng kỳ lên 24.540 tấn, trong khi giá xuất khẩu bình quân tăng 6,2% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện mạnh nhờ đóng góp từ sản lượng tôm tự nuôi

Lợi nhuận gộp Q4/2025 tăng vọt 36% so với cùng kỳ lên 281 tỷ đồng, nâng tỷ suất lợi nhuận gộp lên 18,1% (so với 8% của Q4/2024 và 14,2% của Q3/2025). Sự cải thiện này có được là nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng tôm tăng lên 15,8% (so với 14,2% của cùng kỳ năm trước) khi tỷ trọng sản lượng tôm tự nuôi tăng – vốn có chi phí thấp hơn so với nguyên liệu thu mua bên ngoài. Trong năm

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, FMC

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,364	1,556	14%	6,913	8,185	18%
Giá vốn hàng bán	(1,157)	(1,275)	10%	(6,161)	(7,382)	20%
Lợi nhuận gộp	207	281	36%	752	803	7%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	15.2%	18.1%		10.9%	9.8%	
Lợi nhuận tài chính	53	10	-82%	59	87	48%
Chi phí QL&BH	(70)	(134)	92%	(388)	(480)	24%
Chi phí QL&BH/doanh thu (%)	5.1%	8.6%		5.6%	5.9%	
Lợi nhuận HĐ	190	166	-13%	422	410	-3%
Thu nhập thuần khác	(0)	1	N/m	(0)	1	N/m
LNTT	190	166	-12%	422	411	-2%
Lợi nhuận thuần	110	158	44%	306	366	20%

Nguồn: FMC

2025, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ xuống 9,8% từ mức 10,9% do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao.

Thay đổi phương thức ghi nhận chi phí bán hàng & quản lý

Chi phí bán hàng tăng 246% so với cùng kỳ lên 140 tỷ đồng, chủ yếu do các chi phí liên quan đến hoạt động thương mại. Trong khi đó, chi phí quản lý được kiểm soát tốt và giảm 25,6% so với cùng kỳ. Do đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên 10,4% so với mức 5,1% của cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2025, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đạt 5,9%, cao hơn mức 5,6% trong năm 2024. Chúng tôi lưu ý rằng FMC hiện đang chịu ba loại thuế khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ, bao gồm: thuế chống bán phá giá với mức thuế tạm tính là 25%, thuế chống trợ cấp với mức thuế tạm tính là 2,84% và thuế đối ứng với mức thuế tạm tính là 20%.

Chúng tôi nhận thấy có sự thay đổi trong phương thức ghi nhận doanh thu và chi phí bán hàng trong Q4/2025 so với các quý trước. Cụ thể: Trong Q2/2025 và Q3/2025: Tổng doanh thu được ghi nhận là giá bán trước thuế cộng với thuế đối ứng, và chi phí thuế đối ứng được hạch toán vào chi phí bán hàng. Trong Q4/2025: Doanh thu thuần được ghi nhận bằng cách trừ trực tiếp thuế đối ứng vào giá bán. Sự thay đổi này cũng ảnh hưởng đến doanh thu cơ sở dùng để tính toán thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp. Do đó, phương thức ghi nhận mới này sẽ làm thay đổi các chỉ số tài chính và cần được làm rõ trong BCTC sau kiểm toán.

Lợi nhuận HĐ tài chính giảm do lãi tỷ giá thấp hơn

Lợi nhuận HĐ tài chính đạt 10 tỷ đồng, giảm so với mức lãi 53 tỷ đồng trong Q4/2024, chủ yếu do lãi tỷ giá thuần giảm 86% xuống còn 6,8 tỷ đồng (so với 48 tỷ đồng trong Q4/2024).

Trong năm 2025, lợi nhuận HĐ tài chính đạt 87 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ. Trong đó, lãi tỷ giá thuần đạt 76 tỷ đồng (so với 58 tỷ đồng của năm 2024) và thu nhập lãi thuần đạt 11 tỷ đồng (so với 0,4 tỷ đồng của năm 2024).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu

HSC đang chờ BCTC sau kiểm toán cho năm 2025 để có hướng dẫn cụ thể về cách thức ghi nhận doanh thu và chi phí bán hàng liên quan đến thuế đối ứng. Phương pháp ghi nhận doanh thu mới này sẽ thay đổi các chỉ số tài chính, và chúng tôi sẽ xem xét lại đầy đủ hơn cho dự báo lợi nhuận năm 2026–2027.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 2%/3% trong 1 tháng/3 tháng qua, FMC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,1 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 8,9 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	5,087	6,913	8,540	7,783	8,726
Lợi nhuận gộp	493	752	916	819	905
Chi phí BH&QL	(201)	(388)	(675)	(558)	(612)
Thu nhập khác	0.99	(0.31)	1.43	0	0
Chi phí khác	(0.04)	(0.29)	(0.28)	0	0
EBIT	293	363	242	261	293
Lãi vay thuần	11.5	58.9	104	95.4	108
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	305	422	345	357	401
Chi phí thuế TNDN	(2.26)	(0.81)	(4.20)	(2.56)	(2.83)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(26.3)	(117)	(58.7)	(60.9)	(68.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	276	304	282	293	329
Lợi nhuận thuần ĐC	276	304	282	293	329
EBITDA ĐC	447	546	366	401	449
EPS (đồng)	4,222	4,646	4,319	4,486	5,035
EPS ĐC (đồng)	4,222	4,646	4,319	4,486	5,035
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	452	1,077	409	635	834
Đầu tư ngắn hạn	97.4	140	280	336	403
Phải thu khách hàng	492	370	567	562	559
Hàng tồn kho	1,000	1,002	1,436	1,322	1,405
Các tài sản ngắn hạn khác	86.4	51.3	105	95.3	93.1
Tổng tài sản ngắn hạn	2,127	2,641	2,798	2,951	3,294
TSCĐ hữu hình	942	855	821	773	708
TSCĐ vô hình	2.32	3.69	3.64	3.58	3.53
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	285	275	396	369	389
Tổng tài sản dài hạn	1,229	1,134	1,222	1,146	1,100
Tổng cộng tài sản	3,356	3,775	4,019	4,096	4,394
Nợ ngắn hạn	824	902	815	815	815
Phải trả người bán	106	118	149	144	154
Nợ ngắn hạn khác	172	258	320	282	323
Tổng nợ ngắn hạn	1,112	1,297	1,313	1,262	1,318
Nợ dài hạn	0.84	0.89	1.26	1.14	1.28
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.84	0.89	1.26	1.14	1.28
Tổng nợ phải trả	1,122	1,309	1,332	1,279	1,337
Vốn chủ sở hữu	2,029	2,168	2,319	2,482	2,680
Lợi ích cổ đông thiểu số	205	298	368	336	376
Tổng vốn chủ sở hữu	2,234	2,466	2,688	2,818	3,057
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,356	3,775	4,019	4,096	4,394
BVPS (đ)	31,026	33,151	35,470	37,956	40,992
Nợ thuần*/(tiền mặt)	373	(175)	408	182	(16.8)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	293	363	242	261	293
Khấu hao	(154)	(184)	(124)	(139)	(156)
Lãi vay thuần	11.5	58.9	104	95.4	108
Thuế TNDN đã nộp	(2.26)	(0.81)	(4.20)	(2.56)	(2.83)
Thay đổi vốn lưu động	(211)	80.7	(556)	68.8	(19.1)
Khác	(55.4)	(48.1)	(145)	(141)	(152)
LCT thuần từ HKKD	207	601	(297)	354	303
Đầu tư TS dài hạn	(218)	(114)	(90.7)	(90.7)	(90.7)
Góp vốn & đầu tư	(378)	(352)	(140)	(56.0)	(67.2)
Thanh lý	2.93	0.20	0	0	0
Khác	87.9	554	162	148	166
LCT thuần từ HĐĐT	(505)	87.7	(68.6)	1.11	7.81
Cổ tức trả cho CSH	(143)	(151)	(131)	(131)	(131)
Thu từ phát hành CP	0	111	0	0	0
Tăng/giảm nợ	306	79.1	(172)	1.07	18.8
Khác	0	(111)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	163	(72.0)	(303)	(130)	(112)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	452	1,077	409	635	834
LCT thuần trong kỳ	(135)	617	(668)	226	199
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.22	8.70	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	318	1,703	(259)	861	1,032
Dòng tiền tự do	(10.6)	487	(388)	264	212

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.69	10.9	10.7	10.5	10.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.79	7.90	4.29	5.15	5.14
Tỷ suất LNT (%)	5.43	4.39	3.31	3.77	3.77
Thuế TNDN hiện hành (%)	0.74	0.19	1.22	0.72	0.71
Tăng trưởng doanh thu (%)	(10.8)	35.9	23.5	(8.86)	12.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	11.6	22.1	(33.0)	9.47	12.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(10.2)	10.0	(7.03)	3.87	12.2
Tăng trưởng EPS (%)	(10.2)	10.0	(7.03)	3.87	12.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(10.2)	10.0	(7.03)	3.87	12.2
Tăng trưởng DPS (%)	(20.0)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	47.4	43.0	46.3	44.6	39.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.0	14.5	12.6	12.2	12.8
ROACE (%)	13.4	15.4	9.33	9.44	9.90
Vòng quay tài sản (lần)	1.60	1.94	2.19	1.92	2.06
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.71	1.66	(1.23)	1.36	1.03
Số ngày tồn kho	79.4	59.4	68.7	69.3	65.6
Số ngày phải thu	39.1	21.9	27.2	29.5	26.1
Số ngày phải trả	8.44	7.00	7.15	7.54	7.20
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	18.5	(7.37)	18.4	7.83	0.02
Nợ/tài sản (%)	24.7	24.3	20.8	20.2	19.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.85	1.68	2.28	2.07	1.86
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.91	2.04	2.13	2.34	2.50
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.54	0.32	0.32	0.33	0.27
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.12	4.01	7.57	6.35	5.23
P/E (lần)	8.56	7.78	8.37	8.06	7.18
P/E ĐC (lần)	8.56	7.78	8.37	8.06	7.18
P/B (lần)	1.17	1.09	1.02	0.95	0.88
Lợi suất cổ tức (%)	5.53	5.53	5.53	5.53	5.53

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn